TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/DS-ST
Ngày: 06-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thành Phương.

2. Bà Lâm Thị Ngọc Huệ.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 298/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Hồ Thanh T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số C, Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Khu phố E, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2024, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn bà Lê Hồ Thanh T như sau:

Bà và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 là quan hệ quen biết nhau ngoài xã hội, bà làm chủ thảo hụi và bà Ngọc T1 có tham gia chơi hụi của bà, nội dung các dây hụi bà Ngọc T1 tham gia như sau:

Dây 1: Hụi 5.000.000 đồng/ tháng: mở ngày 20/8/2021 (âm lịch), gồm 20 phần, bà Ngọc T1 tham gia 2 phần và hốt hụi tháng ngày 20/8/2021 âm lịch, bà giao số tiền hụi là 69.700.000 đồng. Đến ngày 20/9/2021 âm lịch bà Ngọc T1 hốt tiếp phần còn lại nên bà giao số tiền hụi là 70.900.000 đồng. Bà Ngọc T1 đóng hụi chết đến ngày 15/10/2022 âm lịch (ngày 08/11/2022 dương lịch) thì

ngưng không đóng nữa. Số tiền hụi còn nợ 6 phần x 2 phần bà T1 tham gia là 60.000.000 đồng.

Dây 2: Hụi 5.000.000 đồng/tháng: mở ngày 25/02/2022 (âm lịch), gồm 21 phần, bà Ngọc T1 tham gia 3 phần và đã hốt hết 3 phần, bà đã chồng hụi cho bà Ngọc T1 nên bà đã giao số tiền hụi là 220.500.000 đồng. Bà Ngọc T1 đóng hụi chết đến ngày 15/10/2022 âm lịch (ngày 08/11/2022 dương lịch) thì ngưng không đóng nữa. Số tiền hụi còn nợ (13 phần x 3 phần của bà T1) là 195.000.000 đồng.

Dây 3: Hụi 10.000.000 đồng/tháng: mở ngày 15/7/2022 (âm lịch), gồm 21 phần, bà Ngọc T1 tham gia 2 phần và hốt hụi ngày 15/7/2022 âm lịch, bà giao số tiền hụi là 145.000.000 đồng. Đến ngày 15/8/2022 âm lịch, bà T1 hốt tiếp phần còn lại bà giao số tiền hụi là 157.000.000 đồng. Bà Ngọc T1 đóng hụi chết đến ngày 15/10/2022 âm lịch (ngày 08/11/2022 dương lịch) thì ngưng không đóng nữa. Số tiền hụi còn nợ 18 phần x 2 phần là 360.000.000 đồng.

Dây 4: Hụi 3.000.000 đồng/tháng: mở ngày 15/7/2022 (âm lịch), gồm 21 phần, bà Ngọc T1 tham gia 1 phần và hốt hụi ngày 15/8/2022 âm lịch, bà giao số tiền hụi là 47.100.000 đồng. Bà Ngọc T1 đóng hụi chết đến ngày 15/10/2022 âm lịch (ngày 08/11/2022 dương lịch) thì ngưng không đóng nữa. Số tiền hụi còn nợ 18 phần là 54.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền hụi của 4 dây hụi mà bà Ngọc T1 nợ bà là 669.000.000 đồng. Tất cả các lần bà Ngọc T1 hốt hụi bà đều có lập phiếu giao hụi cho bà Ngọc T1 và bà Ngọc T1 đều có ký tên vào.

Hiện tại tất cả các dây hụi này đều đã mãn, bà có nhiều lần yêu cầu bà Ngọc T1 trả tiền cho bà nhưng bà Ngọc T1 cứ hứa hẹn đến nay vẫn chưa trả.

Do đó, nay bà yêu cầu buộc bà Ngọc T1 phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ hụi còn nợ là 669.000.000 đồng, không yêu cầu bà Ngọc T1 trả lãi. Đồng thời, bà xác định chỉ yêu cầu một mình cá nhân bà Ngọc T1 có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ hụi này, không yêu cầu bất kỳ cá nhân nào khác.

Về thời gian và phương thức thanh toán nợ: Bà thông cảm hoàn cảnh khóa khăn của bà Ngọc T1 nên đề xuất cho bà Ngọc T1 trả dần số nợ với hình thức trả dần mỗi tháng 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ để hòa giải thành nhưng bà Ngọc T1 không đồng ý. Tại phiên tòa bà Ngọc T1 đề nghị trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ thì bà không đồng ý với yêu cầu này, do vậy bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Ngọc T1 phải trả toàn bộ số nợ một lần khi quyết định, Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Bà và bà Thanh T là chỗ bạn bè quen biết nhau. Bà có tham gia chơi hụi do bà Thanh T làm chủ thảo hụi. Về thời gian, nội dung tham gia các dây hụi bà Thanh T đã trình bày là hoàn toàn đúng. Bà tham gia của bà Thanh T tổng cộng là 4 dây hụi, đã hốt hụi đầy đủ do bà Thanh T giao. Sau đó, do việc làm ăn khó

khăn nên bà mới ngưng đóng tiền hụi cho bà Thanh T, bà xác định ngưng đóng hụi từ ngày 15/10/2022 âm lịch (tức ngày 08/11/2022 dương lịch). Chữ ký và viết họ tên trong các Phiếu giao hụi là của bà. Hiện tại bà thừa nhận còn nợ bà Thanh T số tiền hụi tổng cộng của 4 dây hụi đã tham gia là 669.000.000 đồng.

Nay bà đồng ý trả số tiền hụi 669.000.000 đồng cho bà Thanh T tuy nhiên với phương án bà Thanh T đề nghị mỗi tháng trả 20.000.000 đồng thì bà không có khả năng kinh tế để trả. Bà chỉ đồng ý trả dần cho bà Thanh T mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Trường hợp bà Thanh T không đồng ý thì bà cũng không còn cách nào khác, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Hồ Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T1 hoàn trả số tiền hụi 669.000.000 đồng, căn cứ theo yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi". Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có nơi cư trú tại thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Bà Lê Hồ Thanh T chỉ yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có trách nhiệm trả tiền cho bà Lê Hồ Thanh T, không yêu cầu ai có nghĩa vụ liên đới với bà Ngọc T1 do đó không cần thiết phải đưa chồng của bà Ngọc T1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Ông Hồ Hùng C là chồng của bà Lê Hồ Thanh T, ông C có tờ tự khai và đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án với lý do số tiền bà Lê Hồ Thanh T yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T1 là tiền riêng của bà Thanh T nên xét thấy không cần thiết phải đưa ông C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

Bà Lê Hồ Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc T1 hoàn trả số tiền hụi 669.000.000 đồng.

Xét lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Lê Hồ Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trình bày thống nhất bà Ngọc T1 có tham gia chơi hụi do bà Thanh T làm chủ thảo, tham gia nhiều dây hụi, hiện nay đều đã mãn hụi. Trong quá trình tham gia hụi bà Ngọc T1 đã hốt hụi, bà Thanh T đã giao đầy đủ tiền hốt hụi cho bà Ngọc T1 theo 06 Phiếu giao hụi do bà Ngọc T1 ký tên, viết họ tên người nhận. Sau đó, bà Ngọc T1 không đóng hụi đầy đủ cho bà Thanh T, bà Ngọc T1 ngưng đóng hụi cho bà Thanh T từ ngày 15/10/2022 âm lịch cho đến nay, hiện tại tổng cộng số tiền hụi bà Ngọc T1 còn nợ bà Thanh T là 669.000.000 đồng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 01/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện C và tại phiên tòa, bà Ngọc T1 thừa nhận có tham gia chơi hụi do bà Thanh T làm chủ thảo hụi, đồng thời bà Ngọc T1 thừa nhận còn nợ bà Thanh T số tiền hụi tổng cộng là 669.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền trên. Tuy nhiên, các bên không thống nhất được phương thức và thời gian thanh toán nợ, cụ thể bà Ngọc T1 xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ vì hiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Đề nghị xin trả dần này của bà Ngọc T1 không được bà Thanh T đồng ý, mặc khác pháp luật cũng không có quy định cho trả dần, vì vậy yêu cầu trả dần của bà Ngọc T1 không có cơ sở xem xét để chấp nhận. Căn cứ vào 471 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc Ngọc T1 có trách nhiệm hoàn trả cho cho bà Thanh T số tiền hụi là 669.000.000 đồng.

Bà Thanh T trình bày chỉ yêu cầu cá nhân bà Ngọc T1 trả nợ, không yêu cầu chồng bà Ngọc T1 hay thành viên nào khác trong gia đình phải liên đới hoàn trả số nợ trên nên chỉ buộc bà Ngọc T1 có nghĩa vụ trả nợ cho bà Thanh T.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Ngọc T1 phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Thanh T được hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Hồ Thanh T về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" với bà Nguyễn Thị Ngọc T1.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Hồ Thanh T số tiền hụi 669.000.000 (Sáu trăm sáu mươi chín triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hánh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc T1 phải chịu 30.760.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. H lại bà Lê Hồ Thanh T 15.380.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011783 ngày 14/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đước.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Hồ Thanh T, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T1 được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như Quyền